

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Vận tải và giao nhận hàng hóa - MH1104238

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110423801 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 9/3/2026 Giờ thi: 10h Phòng thi: A1.12

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		7.3	bảy, ba	
2	2410150049	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/11/2006	C26LG2				
3	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003	C26LG2		6	sáu	
4	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		6	sáu	
5	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	C26LG2		4	bốn	
6	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		4.5	bốn, năm	
7	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		7	bảy	
8	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		6	sáu	
9	2410150038	Nguyễn Thành Luân	06/03/2006	C26LG2		7	bảy	
10	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		7	bảy	
11	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005	C26LG2				
12	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		5	năm	
13	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005	C26LG2				
14	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		4.5	bốn, năm	
15	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	C26LG2		4	bốn	
16	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		6	sáu	
17	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		7.3	bảy, ba	
18	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		6	sáu	
19	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		7	bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 16 vắng thi: 3 Số bài thi: 16 / 16

Ngày 13 tháng 3 năm 2026

Ngày 12 tháng 3 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa
Lương Nguyễn Hoài Linh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Vận tải và giao nhận hàng hóa - MH1104238

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110423801 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 16/3/2026 Giờ thi: 10h Phòng thi: A1.12

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		7	bảy	
2	2410150049	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/11/2006	C26LG2				
3	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng	18/02/2003	C26LG2		7,5	bảy rưỡi	
4	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		8,8	tám, tám	
5	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	C26LG2		6,8	sáu, tám	
6	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		2	hai	
7	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		8,8	tám, tám	
8	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		7	bảy	
9	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	C26LG2		7	bảy	
10	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		6,8	sáu, tám	
11	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005	C26LG2				
12	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		7	bảy	
13	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005	C26LG2				
14	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		8,8	tám, tám	
15	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	C26LG2		6,8	sáu, tám	
16	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		6,8	sáu, tám	
17	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		8,8	tám, tám	
18	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		8,5	tám rưỡi	
19	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		7,5	bảy rưỡi	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 16 vắng thi: 3. Số bài thi: 15 / 16.

Ngày: 19 tháng 3 năm 2026.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày: 18 tháng 3 năm 2026.

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Ng. Hoài Linh

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Vận tải và giao nhận hàng hóa - MH1104238

Mã lớp học phần: 25211MH110423801 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 9/3/2026 Giờ thi: 10h Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005	C26LG1				
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1	<i>Chn</i>	8	<i>Ấu</i>	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1	<i>Bao</i>	7	<i>bay</i>	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1	<i>Bao</i>	10	<i>mười</i>	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1	<i>Diệu</i>	7	<i>bay</i>	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1	<i>Duyên</i>	10	<i>mười</i>	
7	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1	<i>Dat</i>	9	<i>Chín</i>	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1	<i>Gia</i>	7,5	<i>bảy, năm</i>	
9	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1	<i>Han</i>	6,5	<i>Sáu, năm</i>	
10	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1	<i>Khiem</i>	6	<i>Sáu</i>	
11	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1	<i>Khoa</i>	6,5	<i>Sáu, năm</i>	
12	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1	<i>Anh</i>	6	<i>Sáu</i>	
13	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1	<i>Lam</i>	7,5	<i>bảy, năm</i>	
14	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1	<i>Nhi</i>	6,5	<i>Sáu, năm</i>	
15	2410150020	Lê Hữu Nhật	19/10/2005	C26LG1	<i>Phuot</i>	5	<i>năm</i>	
16	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1	<i>Tan</i>	6	<i>Sáu</i>	
17	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1	<i>Thao</i>	6	<i>Sáu</i>	
18	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1	<i>Thao</i>	6,5	<i>Sáu, năm</i>	
19	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1	<i>Thuan</i>	6	<i>Sáu</i>	
20	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1	<i>Anh</i>	8,5	<i>tám, năm</i>	
21	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1	<i>Thanh</i>	5,5	<i>năm, năm</i>	
22	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	C26LG1	<i>Truong</i>	7	<i>bảy</i>	
23	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1	<i>Thuy</i>	5	<i>năm</i>	
24	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1	<i>Uyen</i>	3	<i>ba</i>	
25	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1	<i>Vy</i>	6,5	<i>Sáu, năm</i>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 1 . Số bài thi: 24 / 24 .

Ngày 12 tháng 5 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Vận tải và giao nhận hàng hóa - MH1104238

Mã lớp học phần: 25211MH110423801 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 16/12/2025 Giờ thi: 10h Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005	C26LG1				
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1	An	7,5	bảy, năm	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1	Bao	7	bảy	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1	Bao	8,8	tám, tám	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1	Diệu	8,3	tám, ba	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1	Duyen	9,5	chín, năm	
7	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1	Dat	7,5	bảy, năm	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1	Gia	7	bảy	
9	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1	Han	8,3	tám, ba	
10	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1	Kiem	7	bảy	
11	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1	Khoa	7,5	bảy, năm	
12	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1	Khoi	7	bảy	
13	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1	Lam	8,3	tám, ba	
14	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1	Nhi	8,3	tám, ba	
15	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005	C26LG1	Nhut	7,8	bảy, tám	
16	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1	Tan	7,5	bảy, năm	
17	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1	Thao	7,8	bảy, tám	
18	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1	Thao	8,3	tám, ba	
19	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1	Thuan	7,5	bảy, năm	
20	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1	Thu	9,5	chín, năm	
21	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1	Truc	8,8	tám, tám	
22	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	C26LG1	Truong	7	bảy	
23	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1	Tu	8,3	tám, ba	
24	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1	Uyen	6,8	sáu, tám	
25	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1	Vy	7,5	bảy, năm	

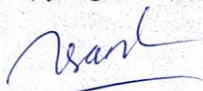
Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 1 . Số bài thi: 24 / 24 .

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

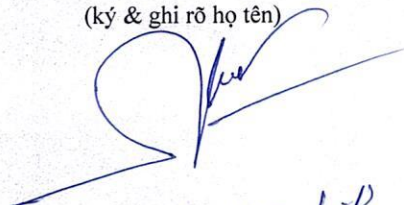


Trần Thị Hoa

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Le Ng Hoa Hu



PHÒNG QUẢN LÝ VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG
BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN
Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Vận tải và giao nhận hàng hóa - MH1104238

Mã lớp học phần: 25211MH110423801 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 9/3/2026 Giờ thi: 10h Phòng thi: M. 12

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006	C26TM1		9,3	chín, ba	
2	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm	Đoan	11/05/2006	C26TM1	đoan . 5	năm	
3	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải	Hân	17/07/2006	C26TM1	hân 5	năm	
4	2410160010	Phạm Thị Lệ	Hoa	18/03/2006	C26TM1	hoa 5,3	năm, ba	
5	2410160011	Phạm Văn	Hoàng	17/05/2000	C26TM1	pham 7	bảy	
6	2410160012	Nguyễn Minh	Huy	07/09/2006	C26TM1	huy 4	bốn	
7	2410160004	Phan Nhật	Huy	10/7/2004	C26TM1	phan 10	mười	
8	2410160022	Lê Ngọc	Huỳnh	30/01/2006	C26TM1	le 4	bốn	
9	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	02/05/2006	C26TM1			
10	2410160016	Đào Thị Ngọc	Loan	28/12/2006	C26TM1	dao 6	sáu	
11	2410160019	Đương Hiếu	Ly	04/04/2000	C26TM1	duong 6,8	sáu, tám	
12	2410160015	Phạm Trần Thảo	My	16/02/2006	C26TM1	phan 5	năm	
13	2410160002	Nguyễn Gia Ái	Nghi	20/02/2006	C26TM1	nguyen 8,3	tám, ba	
14	2410160020	Đào Thị Hồng	Ngọc	23/08/2006	C26TM1	dao 6,3	sáu, ba	
15	2410160003	Tổng Đức	Phát	25/11/2002	C26TM1	thong 9,8	chín, tám	
16	2410160001	Trần Lâm	Phát	11/11/2005	C26TM1	tran 5	năm	
17	2410160005	Trần Huỳnh	Phong	26/10/2005	C26TM1	tranh 5	năm	
18	2410160008	Huỳnh Thị Thoại	Quỳnh	30/11/2006	C26TM1	huynh 5	năm	
19	2410160023	Nguyễn Như	Quỳnh	11/11/2006	C26TM1	nguyen 6	sáu	
20	2410100014	Nguyễn Lê Băng	Tâm	20/04/2006	C26TM1	nguyen 6	sáu	
21	2410160007	Lâm Trung	Thành	10/07/1994	C26TM1	lam 7,5	bảy, năm	
22	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm	Thi	06/11/2006	C26TM1	nguyen 5	năm	
23	2410160014	Trương Thảo	Vy	26/04/2006	C26TM1	truong 4	bốn	
24	2410160025	Nguyễn Trần Hải	Yến	25/02/2006	C26TM1	nguyen 5,5	năm, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 1 . Số bài thi: 23 / 23 .

Ngày 5 tháng 5 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 16 tháng 5 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lương Ng. Hoài Linh

TRƯ
PE
VÀ

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Vận tải và giao nhận hàng hóa - MH1104238

Mã lớp học phần: 25211MH110423801 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 16/3/2026 Giờ thi: 10h Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006	C26TM1	<i>Am</i>	9,5	chín, năm	
2	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm	11/05/2006	C26TM1	<i>am</i>	8,3	tám, ba	
3	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải	17/07/2006	C26TM1	<i>h</i>	9,5	chín, năm	
4	2410160010	Phạm Thị Lệ	18/03/2006	C26TM1	<i>h</i>	7,3	bảy, ba	
5	2410160011	Phạm Văn	17/05/2000	C26TM1	<i>h</i>	9,5	chín, năm	
6	2410160012	Nguyễn Minh	07/09/2006	C26TM1	<i>h</i>	7	bảy	
7	2410160004	Phan Nhật	10/7/2004	C26TM1	<i>h</i>	8,5	tám, năm	
8	2410160022	Lê Ngọc	30/01/2006	C26TM1	<i>h</i>	7,3	bảy, ba	
9	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh	02/05/2006	C26TM1				
10	2410160016	Đào Thị Ngọc	28/12/2006	C26TM1	<i>Loan</i>	8,5	tám, năm	
11	2410160019	Dương Hiếu	04/04/2000	C26TM1	<i>Ly</i>	8,5	tám, năm	
12	2410160015	Phạm Trần Thảo	16/02/2006	C26TM1	<i>My</i>	7,8	bảy, tám	
13	2410160002	Nguyễn Gia Ái	20/02/2006	C26TM1	<i>Nghe</i>	10	mười	
14	2410160020	Đào Thị Hồng	23/08/2006	C26TM1	<i>Ru</i>	8,5	tám, năm	
15	2410160003	Tổng Đức	25/11/2002	C26TM1	<i>Phat</i>	8,5	tám, năm	
16	2410160001	Trần Lâm	11/11/2005	C26TM1	<i>Phat</i>	8,3	tám, ba	
17	2410160005	Trần Huỳnh	26/10/2005	C26TM1	<i>Phong</i>	7	bảy	
18	2410160008	Huỳnh Thị Thoại	30/11/2006	C26TM1	<i>Quynh</i>	7,3	bảy, ba	
19	2410160023	Nguyễn Như	11/11/2006	C26TM1	<i>Quynh</i>	8,5	tám, năm	
20	2410100014	Nguyễn Lê Băng	20/04/2006	C26TM1	<i>Tam</i>	8,3	tám, ba	
21	2410160007	Lâm Trung	10/07/1994	C26TM1	<i>Thanh</i>	8,3	tám, ba	
22	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm	06/11/2006	C26TM1	<i>Thi</i>	7,3	bảy, ba	
23	2410160014	Trương Thảo	26/04/2006	C26TM1	<i>Vy</i>	7,3	bảy, ba	
24	2410160025	Nguyễn Trần Hải	25/02/2006	C26TM1	<i>Yen</i>	7,3	bảy, ba	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 1 . Số bài thi: 23 / 23 .

Ngày: 19 tháng 5 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 18 tháng 5 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lucy Ng. Hoa hinh

TRƯỜNG
PHÒNG
VÀ BAN

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Vận tải và giao nhận hàng hóa - MH1104238

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110423801 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 9/3/2026 Giờ thi: 16h Phòng thi: A1.12

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160047	Nguyễn Phạm Gia	Bảo	04/02/2005	C26TM2	Bao	4	bm'	
2	2410160053	Trần Gia	Bảo	03/01/2006	C26TM2	B	4	bm'	
3	2410160029	Dương Tiến	Đạt	27/04/2006	C26TM2	Da	5	nam	
4	2410160051	Võ Tấn	Hào	26/09/2005	C26TM2				
5	2410160044	Nguyễn Huy	Hoàng	15/12/2005	C26TM2	Huong	4,5	bm', nam	
6	2410160050	Nguyễn Thị Lệ	Hồng	22/11/2004	C26TM2	Le	7	ba	
7	2410160032	Đỗ Nhật	Huy	06/04/2005	C26TM2	H	10	nam	
8	2410160038	Nguyễn Lê Đăng	Khoa	15/07/2004	C26TM2	Khoa	5,5	nam, nam	
9	2410160052	Nguyễn Thành	Lâm	25/08/2003	C26TM2	L	5	nam	
10	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Như	03/12/2006	C26TM2	nhu	8	nam	
11	2410160031	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	16/06/2006	C26TM2	th	6,3	Sai, ba	
12	2410160034	Nguyễn Hoàng	Thông	01/02/2006	C26TM2	th	4	bm'	
13	2410160030	Lê Anh	Thư	19/08/2006	C26TM2	th	6,3	Sai, ba	
14	2410160033	Trần Thị Cẩm	Thy	01/06/2006	C26TM2	th	6,5	Sai, nam	
15	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều	Trình	13/11/2006	C26TM2	th	6	Sai	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 14 vắng thi: 1 Số bài thi: 14 / 14

Ngày: 13 tháng 3 năm 2026

Ngày: 12 tháng 3 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Lương Ng. Hoài Linh

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Vận tải và giao nhận hàng hóa - MH1104238

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110423801 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 16/4/2026 Giờ thi: 16h Phòng thi: A1.12

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160047	Nguyễn Phạm Gia	Bảo	04/02/2005	C26TM2	B	8,3	tám, ba	
2	2410160053	Trần Gia	Bảo	03/01/2006	C26TM2	B	9	chín	
3	2410160029	Dương Tiến	Đạt	27/04/2006	C26TM2	D	8	tám	
4	2410160051	Võ Tấn	Hào	26/09/2005	C26TM2				
5	2410160044	Nguyễn Huy	Hoàng	15/12/2005	C26TM2	Hoàng	9	chín	
6	2410160050	Nguyễn Thị Lệ	Hồng	22/11/2004	C26TM2	Lệ	8,3	tám, ba	
7	2410160032	Đỗ Nhật	Huy	06/04/2005	C26TM2	Huy	9	chín	
8	2410160038	Nguyễn Lê Đăng	Khoa	15/07/2004	C26TM2	Khoa	9,5	chín, năm	
9	2410160052	Nguyễn Thành	Lâm	25/08/2003	C26TM2	Lâm	7,3	bảy, ba	
10	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Như	03/12/2006	C26TM2	Như	7	bảy	
11	2410160031	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	16/06/2006	C26TM2	Thảo	9	chín	
12	2410160034	Nguyễn Hoàng	Thông	01/02/2006	C26TM2	Thông	7	bảy	
13	2410160030	Lê Anh	Thư	19/08/2006	C26TM2	Thư	8,3	tám, ba	
14	2410160033	Trần Thị Cẩm	Thy	01/06/2006	C26TM2	Thy	8,8	tám, tám	
15	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều	Trinh	13/11/2006	C26TM2	Trinh	8,3	tám, ba	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 14 vắng thi: 1 Số bài thi: 14 / 14

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

f. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 18 tháng 2 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lương Ng. Hoài Linh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Vận tải và giao nhận hàng hóa - MH1104238

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110423801 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 16/3/2026 Giờ thi: 16h Phòng thi: A1.12

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150008	Võ Phan Hạnh Nguyên	26/07/2002	C25LG1		7	bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0. Số bài thi: 1 / 1.

Ngày: 19 tháng 3 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 19 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lương Nguyễn Hoài Linh

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Vận tải và giao nhận hàng hóa - MH1104238

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110423801 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 9/3/2026 Giờ thi: 10h Phòng thi: A1.12

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150008	Võ Phan Hạnh Nguyễn	26/07/2002	C25LG1		5	năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 Số bài thi: 1 / 1

Ngày: 12 tháng 3 năm 2026

Ngày: 12 tháng 3 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Lương Nguyễn Hoài Linh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Vận tải và giao nhận hàng hóa - MH1104238

Mã lớp học phần: 25211MH110423801 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 9/3/2026 Giờ thi: 10h Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310160010	Huỳnh Xuân Nhi	12/03/2005	C25TM				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 0 vắng thi: 1. Số bài thi: 0 / 0.

Ngày: 19 tháng 2 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Đỗ Thu Hà

Ngày 18 tháng 2 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lý Ng. Hoài Linh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Vận tải và giao nhận hàng hóa - MH1104238

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110423801 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 16/3/2026 Giờ thi: 10h Phòng thi: A112

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310160010	Huỳnh Xuân Nhi	12/03/2005	C25TM				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 7 vắng thi: 1. Số bài thi: 0 / 0.

Ngày: 19 tháng 3 năm 2026

Ngày: 18 tháng 3 năm 2026

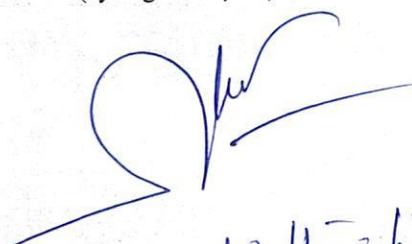
P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Phi Hòa


Lương Nguyễn Hoài Linh

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Vận tải và giao nhận hàng hóa - MH1104238

Giám thị 1: Trần Thị Tuyền

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25211MH110423801 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Nguyễn Văn Trinh

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 03/04/2026 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: A1.8

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006		1	6	Sáu	C26LG2	
2	2410160003	Tổng Đức Phát	25/11/2002		1	8	Tám	C26TM1	
3	2410160001	Trần Lâm Phát	11/11/2005		1	4	Bốn	C26TM1	
4	2410160005	Trần Huỳnh Phong	26/10/2005		1	4,5	Bốn, năm	C26TM1	
5	2410160008	Huỳnh Thị Thoại Quyên	30/11/2006		1	6,8	Sáu, tám	C26TM1	
6	2410160023	Nguyễn Như Quỳnh	11/11/2006		1	8	Tám	C26TM1	
7	2410160014	Nguyễn Lê Băng Tâm	20/04/2006		1	6,5	Sáu, năm	C26TM1	
8	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006		1	6,5	Sáu, năm	C26LG1	
9	2410160007	Lâm Trung Thành	10/07/1994		1	9,8	Chín, tám	C26TM1	
10	2410160031	Huỳnh Thị Thanh Thảo	16/06/2006		1	8	Tám	C26TM2	
11	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006		1	6,5	Sáu, năm	C26LG1	
12	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006		1	9	Chín	C26LG1	
13	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006		1	7	Bảy	C26LG2	
14	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm Thi	06/11/2006		1	6,5	Sáu, năm	C26TM1	
15	2410160034	Nguyễn Hoàng Thông	01/02/2006		1	5	Năm	C26TM2	
16	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006		1	9	Chín	C26LG1	
17	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003		1	8,5	Tám, năm	C26LG1	
18	2410160030	Lê Anh Thư	19/08/2006		1	4,5	Bốn, năm	C26TM2	
19	2410160033	Trần Thị Cẩm Thy	01/06/2006		1	8	Tám	C26TM2	
20	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005		1	4,8	Bốn, tám	C26LG2	
21	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều Trinh	13/11/2006		1	6	Sáu	C26TM2	
22	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006		1	5,5	Năm, năm	C26LG2	
23	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005		1	9,8	Chín, tám	C26LG1	
24	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003		1	6,5	Sáu, năm	C26LG1	
25	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006		1	6,5	Sáu, năm	C26LG1	
26	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006		1	5	Năm	C26LG1	
27	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004		1	7,5	Bảy, năm	C26LG2	
28	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006		1	8,5	Tám, năm	C26LG2	
29	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006		1	4,8	Bốn, tám	C26LG1	
30	2410160014	Trương Thảo Vy	26/04/2006		1	4,8	Bốn, tám	C26TM1	
31	2410160025	Nguyễn Trần Hải Yến	25/02/2006		1	4	Bốn	C26TM1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
32	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006		1	7.5	bảy lăm	C26LG2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 32 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 32 / 32.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____%

Ngày 8 tháng 4 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Đào Thị Hoa

Ngày 7 tháng 4 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thị Hương



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ & QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Vận tải và giao nhận hàng hóa - MH1104238

Giám thị 1: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ký tên:

Mã lớp học phần: 25211MH110423801 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Lê Anh Thy Thy

Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 03/04/2026

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: A1.12

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006		1	5,8	năm, tám	C26LG1	
2	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006		1	6,5	Sáu, năm	C26LG2	
3	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006		1	9,8	chín, tám	C26TM1	
4	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006		1	5,5	năm, năm	C26LG1	
5	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006		1	8	tám	C26LG1	
6	2410160053	Trần Gia Bảo	03/01/2006		1	4,5	bốn, năm	C26TM2	
7	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006		1	5	năm	C26LG1	
8	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004		1	9,5	chín, năm	C26LG1	
9	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003		1	6,3	Sáu, ba	C26LG2	
10	2410160029	Dương Tiến Đạt	27/04/2006		1	6,5	Sáu, năm	C26TM2	
11	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006		1	6,5	Sáu, năm	C26LG1	
12	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm Đoan	11/05/2006		1	6	Sáu	C26TM1	
13	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005		1	9,3	chín, ba	C26LG1	
14	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006		1	6,3	Sáu, ba	C26LG2	
15	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải Hân	17/07/2006		1	8	tám	C26TM1	
16	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006		1	6	Sáu	C26LG1	
17	2410160010	Phạm Thị Lệ Hoa	18/03/2006		1	5,5	năm, năm	C26TM1	
18	2410160044	Nguyễn Huy Hoàng	15/12/2005		1	3	ba	C26TM2	
19	2410160011	Phạm Văn Hoàng	17/05/2000		1	9	chín	C26TM1	
20	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006					C26LG2	VT
21	2410160032	Đỗ Nhật Huy	06/04/2005		1	7,5	bảy, năm	C26TM2	
22	2410160012	Nguyễn Minh Huy	07/09/2006		1	6,5	Sáu, năm	C26TM1	
23	2410160004	Phan Nhật Huy	10/7/2004		1	6	Sáu	C26TM1	
24	2410160022	Lê Ngọc Huỳnh	30/01/2006		1	6	Sáu	C26TM1	
25	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006		1	6	Sáu	C26LG2	
26	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006		1	4,5	bốn, năm	C26LG1	
27	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006		1	6,5	Sáu, năm	C26LG1	
28	2410160038	Nguyễn Lê Đăng Khoa	15/07/2004		1	8,3	tám, ba	C26TM2	
29	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006		1	3,5	ba, năm	C26LG1	
30	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006		1	10	mười	C26LG1	
31	2410160052	Nguyễn Thành Lâm	25/08/2003		1	5	năm	C26TM2	
32	2410160016	Đào Thị Ngọc Loan	28/12/2006		1	5,5	năm, năm	C26TM1	
33	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006		1	4,5	bốn, năm	C26LG2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2410160019	Dương Hiểu Ly	04/04/2000	<i>Ly</i>	1	6,3	sáu ba	C26TM1	
35	2410160015	Phạm Trần Thảo My	16/02/2006	<i>Thảo My</i>	1	5	năm	C26TM1	
36	2410160002	Nguyễn Gia Ái	20/02/2006	<i>Ngài</i>	1	9,8	chín tám	C26TM1	
37	2410160020	Đào Thị Hồng Ngọc	23/08/2006	<i>Hồng Ngọc</i>	1	4,8	bốn tám	C26TM1	
38	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	<i>Ngọc</i>	1	5,5	năm năm	C26LG2	
39	2310150008	Võ Phan Hạnh Nguyên	26/07/2002	<i>Hạnh</i>	1	7	bảy	C25LG1	
40	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	<i>Nhi</i>	1	6	sáu	C26LG1	
41	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	03/12/2006	<i>Như</i>	1	4,5	bốn năm	C26TM2	
42	2410150020	Lê Hữu Nhật	19/10/2005	<i>Nhật</i>	1	5,3	năm ba	C26LG1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 41 vắng thi: 1 . Số bài thi/Số tờ: 41 / 41 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 10...tháng 4...năm 2026.

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Trần Thị Hoa

Ngày 9...tháng 4...năm 2026.

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thị Hoa

TRƯỚC
PH
VÀ